

TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH

TRADING SUMMARY

Ngày: 29/09/2026

Date:

1. Chỉ số chứng khoán

(Indices)

Chỉ số Indices	Đóng cửa Closing value	Tăng/Giảm +/- Change	Thay đổi (%) % Change	GTGD (tỷ đồng) Trading value (bil.dongs)
VNINDEX	1,777.73	-2.95	-0.17	12,338.41
VN30	1,914.35	-8.07	-0.42	6,677.04
VNMIDCAP	1,851.86	-1.14	-0.06	4,608.40
VNSMALLCAP	1,237.54	4.81	0.39	883.65
VN100	1,813.71	-8.05	-0.44	11,285.44
VNALLSHARE	1,788.79	-7.27	-0.40	12,169.08
VNXALLSHARE	2,812.43	-11.88	-0.42	12,353.07
VNCOND	1,880.97	-14.28	-0.75	474.46
VNCONS	647.70	1.24	0.19	534.00
VNENE	863.36	17.66	2.09	1,193.93
VNFIN	2,138.42	-14.62	-0.68	5,167.29
VNHEAL	1,593.45	-10.73	-0.67	51.79
VNIND	820.83	5.17	0.63	1,481.44
VNIT	3,305.56	-23.25	-0.70	293.50
VNMAT	1,870.82	12.88	0.69	896.59
VNREAL	3,172.55	-22.70	-0.71	1,789.01
VNUTI	980.99	7.87	0.81	275.55
VNDIAMOND	2,211.18	-14.21	-0.64	3,427.94
VNFINLEAD	2,776.98	-12.64	-0.45	4,822.40
VNFINSELECT	2,877.99	-20.52	-0.71	5,030.75
VNMITECH	782.96	3.92	0.50	2,385.92
VN50 GROWTH	1,001.55	-4.41	-0.44	8,613.49
VNDIVIDEND	876.97	-1.51	-0.17	1,740.07
VNSHINE	814.88	-0.43	-0.05	3,096.92
VNSI	3,065.10	-8.92	-0.29	3,310.78
VNX50	3,176.37	-18.13	-0.57	9,589.40

2. Giao dịch toàn thị trường

(Trading total)

Nội dung Contents	KLGD (ck) Trading vol. (shares)	GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)
Khớp lệnh	475,420,863	10,365
Thỏa thuận	101,653,094	2,025
Tổng	577,073,957	12,389

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày

(Top volatile stock up to date)

STT No.	Top 5 CP về KLGD Top trading vol.		Top 5 CP tăng giá Top gainer		Top 5 CP giảm giá Top loser	
	Mã CK Code	KLGD (cp) Trading vol. (shares)	Mã CK Code	%	Mã CK Code	%
1	NVL	45,881,867	YBM	6.91%	COM	-6.92%
2	VPB	32,653,712	HAS	6.78%	PIT	-6.92%
3	SHB	32,321,824	STG	6.58%	KOS	-6.91%
4	TCB	21,376,971	PVT	6.40%	PNJ	-6.84%
5	HPG	20,060,265	DAH	6.40%	NAV	-6.81%

Giao dịch của NĐTNN

(Foreigner trading)

Nội dung Contents	Mua Buying	%	Bán Selling	%	Mua-Bán Buying-Selling
----------------------	---------------	---	----------------	---	---------------------------

KLGD (ck) Trading vol. (shares)	52,841,535	9.16%	65,460,206	11.34%	-12,618,671
GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)	1,426	11.51%	1,826	14.74%	-400

Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
(Top foreigner trading)

STT	Top 5 CP về KLGD NĐTNN Top trading vol.		Top 5 CP về GTGD NĐTNN		Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng	
1	VPB	12,597,281	VPB	291,326,538	PVT	2,494,028
2	HPG	7,388,387	TCB	176,742,211	VIB	2,121,460
3	PVT	5,719,572	VHM	150,144,600	VIX	1,401,289
4	TCB	5,428,657	HPG	149,503,145	PLX	967,000
5	VIX	3,709,701	VNM	143,704,037	KDH	906,650

3. Sự kiện doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sự kiện
1	TDW	TDW giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức từ năm 2024 trở về truiwsc bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%, ngày thanh toán: 15/10/2026.
2	TDW	TDW giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức từ năm 2024 trở về truiwsc bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%, ngày thanh toán: 15/10/2026.
3	CACB2621	CACB2621 (Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 12.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 23.000 đồng/cq.
4	CACB2622	CACB2622 (Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 10.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 21.000 đồng/cq.
5	CACB2623	CACB2623 (Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 10.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 24.000 đồng/cq.
6	CFPT2632	CFPT2632 (Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 8.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3,6374:1, với giá: 65.473 đồng/cq.
7	CFPT2633	CFPT2633 (Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 7.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3,6374:1, với giá: 62.745 đồng/cq.
8	CFPT2633	CFPT2633 (Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 6.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3,6374:1, với giá: 69.110 đồng/cq.
9	CHPG2635	CHPG2635 (Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 15.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 22.000 đồng/cq.
10	CHPG2636	CHPG2636 (Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 15.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 23.000 đồng/cq.
11	CHPG2637	CHPG2637 (Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 12.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 23.000 đồng/cq.
12	CHPG2638	CHPG2638 (Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 19.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 21.000 đồng/cq.
13	CHPG2639	CHPG2639 (Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 11.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 23.000 đồng/cq.
14	CHPG2640	CHPG2640 (Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 16.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 21.000 đồng/cq.
15	CMSN2627	CMSN2627 (Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 9.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 70.000 đồng/cq.
16	CMSN2628	CMSN2628 (Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 8.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 67.000 đồng/cq.
17	CMSN2629	CMSN2629 (Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 7.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 74.000 đồng/cq.

18	CMWG2626	CMWG2626 (Mã chứng khoán cơ sở: MWG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 7.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 76.000 đồng/cq.
19	CMWG2627	CMWG2627 (Mã chứng khoán cơ sở: MWG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 7.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 72.000 đồng/cq.
20	CTCB2620	CTCB2620 (Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 10.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 36.000 đồng/cq.
21	CTCB2621	CTCB2621 (Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 9.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 32.000 đồng/cq.
22	CTCB2622	CTCB2622 (Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 8.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 36.000 đồng/cq.
23	CVHM2621	CVHM2621 (Mã chứng khoán cơ sở: VHM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 7.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 70.000 đồng/cq.
24	CVHM2622	CVHM2622 (Mã chứng khoán cơ sở: VHM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 7.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 77.000 đồng/cq.
25	CVIC2612	CVIC2612 (Mã chứng khoán cơ sở: VIC) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 6.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 248.000 đồng/cq.
26	CVIC2613	CVIC2613 (Mã chứng khoán cơ sở: VIC) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 6.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 224.000 đồng/cq.
27	CVIC2614	CVIC2614 (Mã chứng khoán cơ sở: VIC) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 5.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 248.000 đồng/cq.
28	CVNM2620	CVNM2620 (Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 13.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 66.000 đồng/cq.
29	CVNM2621	CVNM2621 (Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 10.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 59.000 đồng/cq.
30	CVNM2622	CVNM2622 (Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 9.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 66.000 đồng/cq.
31	CVPB2626	CVPB2626 (Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 12.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 29.000 đồng/cq.
32	CVPB2627	CVPB2627 (Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 10.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 26.000 đồng/cq.
33	CVPB2628	CVPB2628 (Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 9.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 29.000 đồng/cq.
34	CVRE2611	CVRE2611 (Mã chứng khoán cơ sở: VRE) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 8.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 26.000 đồng/cq.
35	CVRE2612	CVRE2612 (Mã chứng khoán cơ sở: VRE) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 8.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 25.000 đồng/cq.
36	CVRE2613	CVRE2613 (Mã chứng khoán cơ sở: VRE) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 29/09/2026 với số lượng 7.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 27.000 đồng/cq.